

1953 và bà Lê Thị C, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường H3, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Điều có mặt.

*** Người kháng cáo:** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Trần Mậu D và bà Lê Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Trần Thị H và ông Nguyễn Hoài N (người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H) trình bày:

Nguyên thừa đất số 331, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.197m², tọa lạc tại Tổ dân phố G1, phường H3, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế có nguồn gốc do ông bà nội của bà Trần Thị H là cố Trần Nh và cố Ngô Thị T tạo lập.

Năm 1940, cố Nh và cố T chia đôi mảnh đất cho hai người con là cụ Trần T1 (cha bà H) và cụ Trần Mậu B (chú bà H) mỗi người một nửa và quản lý, sử dụng ổn định. Trên phần đất được chia, cha mẹ bà H có xây dựng nhà cấp 4 để ở, hiện nay nền móng nhà cũ vẫn còn dấu tích trên phần đất được chia này.

Năm 1949, sau khi cụ T1 chết, mẹ bà H cùng các anh chị em của bà H tiếp tục, quản lý sử dụng phần đất được chia. Năm 1960, gia đình bà H chuyển đến Sài Gòn sinh sống và giao lại nhà đất cho chị dâu là bà Nguyễn Thị Th (vợ của Liệt sĩ Trần Mậu Đ- anh trai bà H) tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 1963, mẹ bà H mất, anh em bà H vẫn thường xuyên về thăm quê những dịp lễ tết, chạp giỗ ông bà đều có tham gia đầy đủ. Sau đó, anh em bà H xuất cảnh và định cư tại Canada.

Năm 1995, bà H về nước thì thấy ngôi nhà cha mẹ bà xây dựng trước đây bị hư hỏng nhưng tường nhà và móng nhà vẫn còn. Toàn bộ nhà, đất khoảng 500m² do bố mẹ bà H để lại được ông Trần Mậu D (con trai của cụ Trần Mậu B) quản lý, sử dụng.

Năm 2000, bà H về lại Việt Nam tiến hành xây dựng nhà thờ trên thửa đất khoảng 500m² do cha mẹ bà để lại và nhà mới xây dựng trên một phần nền nhà cũ của bố mẹ bà H trước đây. Việc xây dựng này nhà bà thông báo đến toàn bộ gia tộc và được toàn thể gia tộc hoan hỷ tán thành, không có ai tranh chấp hay phản đối gì.

Ngày 23/9/2000, gia đình bà nhóm họp và xác định rõ diện tích đất do cha mẹ bà để lại được bà H xây dựng ngôi nhà làm nơi thờ tự và tạm giao cho bà Nguyễn Thị Th (chị dâu của bà H) lo việc hương khói, việc này được xác nhận trong biên bản lập ngày 08/4/2001 (Biên bản do gia đình lập được đại gia đình trong đó có ông Trần Mậu D xác nhận).

Tuy nhiên thời gian gần đây, khi tôi về lại Việt Nam thì việc quản lý, thờ tự tại nhà đất do bố mẹ tôi để lại gặp khó khăn vì sự cản trở của ông Trần Mậu

D. Qua quá trình giải quyết vào ngày 13/6/2016, bà H mới biết ngày 28/8/2007 ông D đã được UBND huyện H1 (nay là thị xã H1) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) đối với thửa đất do bố mẹ bà H để lại, bao gồm luôn cả ngôi nhà do bà H xây dựng năm 2000 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 905151 đối với thửa đất số 331, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.197m², tọa lạc tại: Tổ dân phố G, phường H3, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế, do UBND huyện H1 (nay là Thị xã H1) cấp cho ông Trần Mậu D và bà Nguyễn Thị Chắc).

Việc UBND thị xã H1 cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Trần Mậu D đối với nhà đất thuộc quyền sử dụng của gia đình bà H là trái pháp luật. Bản thân ông Trần Mậu D cũng đã ký vào biên bản họp gia đình để xác nhận về nguồn gốc nhà đất của gia đình bà H nhưng lại lập thủ tục để xin cấp GCN QSDĐ đứng tên ông D là trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà H.

Chính vì vậy, bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế hủy bỏ GCN QSDĐ số AD 905151, ngày 28 tháng 8 năm 2007, do UBND huyện (nay là thị xã) H1 cấp cho ông Trần Mậu D, bà Lê Thị C, tại thửa đất số 331, tờ bản đồ số 03, diện tích 1197m², tọa lạc tại Tổ dân phố G1, phường H3, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thị xã H1 trình bày:

+ Quá trình đăng ký, cấp GCN QSDĐ cho ông Trần Mậu D và bà Lê Thị C:

Ngày 30/6/2003 ông bà Trần Mậu D, Lê Thị C có đơn xin đăng ký và cấp GCN QSDĐ tại thửa đất số 331, tờ bản đồ số 03, diện tích 1197m², tọa lạc tại Tổ dân phố G1, phường H3, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế, nguồn gốc và thời gian sử dụng thửa đất: Một phần thửa đất do ba mẹ để lại năm 2000 (trước đó do ba mẹ sử dụng từ trước năm 1975, có đăng ký 299 tên ông Trần Mậu B), một phần diện tích đất ông D sử dụng (có đăng ký 299 tên của ông Trần Mậu D). Đơn được UBND xã H3 xác nhận ngày 11/08/2003 với nội dung: Sau khi thông qua kết quả xét duyệt và tình hình thực tế thửa đất số 331 của ông Trần Mậu D do bố mẹ để lại, hiện trong đất không xảy ra tranh chấp, không ảnh hưởng đến quy hoạch. Đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ.

Thành phần hồ sơ kèm theo đơn gồm: Biên bản xác định ranh giới thửa đất; Đơn đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa số 30 tờ bản đồ số 02 diện tích 645m² do ông Trần Mậu D đăng ký; Đơn đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa số 31, tờ bản đồ số 02 diện tích 640m² do ông Trần Mậu B đăng ký; Văn bản thỏa thuận về thừa kế quyền sở hữu tài sản trên đất và quyền sử dụng đất của ông Trần Mậu B được UBND phường H3 chứng thực, theo nội dung văn bản thỏa thuận thì những người trong trong hàng thừa kế QSDĐ của ông Trần Mậu B

thống nhất để lại mảnh vườn và hai ngôi nhà cho em là Trần Mậu D và vợ là Lê Thị C toàn quyền sử dụng.

Ngày 20/8/2007 Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu tờ trình số 575/TTr-TNMT về việc đề nghị UBND huyện H1 cấp GCN QSDĐ cho 174 hộ gia đình, cá nhân tại xã H3, trong đó có ông Trần Mậu D bà Lê Thị C tại số thứ tự 151.

Ngày 28/8/2007, UBND huyện H1 (nay là thị xã) ban hành quyết định số 401/QĐ-UBND cấp GCN QSDĐ cho 174 hộ gia đình, cá nhân tại xã H3, trong đó có ông Trần Mậu D bà Lê Thị C được cấp GCN QSDĐ số AD 905151, thửa số 331, tờ bản đồ số 3, diện tích 1197m², tọa lạc tại cụm Giáp 3, xã H3 (nay là thôn Giáp 3, phường H3), thị xã H1, hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn: 500m², đất trồng cây lâu năm 697,0m².

+ Cập nhật thông tin theo bản đồ qua các thời kỳ:

Theo bản đồ 299 là thửa đất số 30, tờ bản đồ số 2, diện tích 645m² do ông Trần Mậu D đăng ký và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 2, diện tích 640m² do ông Trần Mậu B đăng ký; theo bản đồ đo đạc năm 1995 là thửa số, thửa số 331, tờ bản đồ số 3, diện tích 1197m² do ông Trần Mậu D sử dụng; theo bản đồ đo đạc năm 2010 là thửa số 134, tờ bản đồ số 35, diện tích 1471m² do ông Trần Mậu D đăng ký.

+ Nhận xét và đề nghị:

Theo hồ sơ đăng ký 299, ông Trần Mậu D đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 2, diện tích 645m², nguồn gốc: Thừa kế; ông Trần Mậu B đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 2, diện tích 640m² nguồn gốc: Thừa kế. Quá trình sử dụng đất, ông Trần Mậu B chết, ông Trần Mậu D là người kế tiếp sử dụng đất của ông Trần Mậu B, đến năm 2003, ông D và bà C lập thủ tục thừa kế QSDĐ theo pháp luật của ông Trần Mậu B và tiến hành đăng ký cấp GCN QSDĐ đối với toàn bộ diện tích đất gồm phần diện tích đất ông sử dụng ổn định và phần diện tích nhận thừa kế QSD của ông B.

Căn cứ luật đất đai năm 2003; căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành luật đất đai; căn cứ Quyết định 24/2004/QĐBTNTM ngày 01/11/2014 quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về cấp GCNQSDĐ; căn cứ Quyết định 3626/2005/QĐ-UBND ngày 20/10/2005 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp thửa đất ở có vườn ao cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ Quyết định 708/2006/QĐ-UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân, thì việc UBND huyện (nay là thị xã) H1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 905151, ngày 28 tháng 8 năm 2007 cho ông bà

Trần Mậu D - Lê Thị C tại thửa đất số 331, tờ bản đồ số 03, diện tích 1197m², tọa lạc tại TDP G1, phường H3, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế, hình thức sử dụng: sử dụng riêng 1197 m², sử dụng chung: 0m², mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn: 500 m², đất vườn trồng cây lâu năm: 697 m², là đúng quy định pháp luật.

Do đó UBND thị xã H1 giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 905151, ngày 28 tháng 8 năm 2007, đứng tên ông bà Trần Mậu D - Lê Thị C; thửa đất số 331, tờ bản đồ số 03, diện tích 1197m², tọa lạc tại TDP G1, phường H3, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Trần Mậu D và bà Lê Thị C trình bày:

- Về nguồn gốc đất đai: Mảnh đất này là nơi ông nội, cha mẹ, anh em ông D cùng chung sống, ba mẹ ông D là người trực tiếp phụng dưỡng ông nội ông D đến lúc qua đời (năm 1971). Khi ông nội ông D còn sống, thỉnh thoảng có anh Trần Mậu Nguyên và chị Trần Thị H (con của bác ông D) có về thăm nhưng không bao giờ đề cập đến chuyện đất đai, sau ngày giải phóng chị Trần Thị H định cư ở nước ngoài, đến năm 1995, khi cha mẹ ông D còn sống, chị Hương và cháu nội đích tôn của bác ông D về thăm quê cũng không đề cập đến chuyện đất đai. Đến năm 2000, sau khi cha mẹ ông D qua đời chưa tròn 01 năm thì chị Trần Thị H về Việt Nam và bắt đầu đặt vấn đề đất đai và xin xây dựng nhà tưởng niệm ba mẹ của chị trên mảnh đất ông D đang chủ quyền, vì nghĩa tình ông D đã đồng ý để chị xây dựng trong diện tích đất vườn của ông D gồm: Diện tích ngôi nhà, hành lang và một phần diện tích sân. Hiện nay ngôi nhà tưởng niệm ba mẹ chị Trần Thị H trở thành nhà thờ nhánh.

Sau khi xây xong nhà, chị Trần Thị H tiếp tục tự ý xây dựng, coi như một số công trình khác (quán, phòng ngủ...) khi chưa được sự đồng ý của ông D. Ông D thấy đây là việc làm thiếu tôn trọng và tùy tiện trong việc sử dụng đất khi chưa có chủ quyền.

- Về diện tích: 1197 m², trong đó đất ở nông thôn: 500 m², đất vườn trồng cây lâu năm khác: 697 m².

- Về giới cận: Đông giáp đường xóm, Tây nhà bà Trần Thị T1, Nam giáp đường xóm, Bắc giáp nhà ông Trần Xuân Ng.

- Về quản lý: Sau ngày giải phóng 30/04/1975 đất đai do nhà nước quản lý theo quyết định số 201/CP ngày 01/07/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước, bản thân ông D đã chấp hành việc kê khai đăng ký, thực hiện tốt trách nhiệm của người sử dụng đất, làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước. Đến năm 2007, ông D được UBND huyện H1 (nay là thị xã H1) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 905151, ngày 28 tháng 8 năm 2007.

Quá trình sử dụng ổn định không có ai tranh chấp, thừa kiện.

Qua trình bày trên, ông D thấy việc UBND huyện H1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D hoàn toàn có căn cứ và hợp pháp, chị Trần Thị H phát đơn kiện UBND thị xã H1 và yêu cầu Tòa án giải quyết hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D là không có căn cứ, thiếu cơ sở pháp lý, cần được xem xét giải quyết vấn đề thấu tình đạt lý, đúng pháp luật để mang lại sự ổn định đoàn kết trong gia đình.

Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2019/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 38; Điều 48; Điều 50 của Luật đất đai 2003; Điều 42; điểm a, b khoản 2, Điều 135 Nghị định 181/2994/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai năm 2003. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 905151 ngày 28/8/2007 của UBND huyện H1 (nay là thị xã H1) cấp cho ông Trần Mậu D và bà Lê Thị C, thửa đất số 331, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.197m² tại tổ dân phố G, phường H3, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 12 năm 2019, ông Trần Mậu D và bà Lê Thị C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND thị xã H1 đã cấp cho ông D, bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Mậu D và bà Lê Thị C; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông Trần Mậu D và bà Lê Thị C, nhận thấy:

[1.1] Về nguồn gốc đất:

Theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị H và sự thừa nhận của ông Trần Mậu D thì nguồn gốc thửa đất số 331, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.197 m², tọa lạc tại Cụm G1, xã H3, huyện H1, tỉnh Thừa Thiên Huế có nguồn gốc từ ông bà nội của bà Trần Thị H và ông Trần Mậu D là vợ chồng cố Trần Nh và bà Ngô Thị T thừa hưởng, sử dụng của Chi họ Trần, (theo trích lục địa bộ năm 1935 do chế độ cũ cấp).

[1.2] Về quá trình sử dụng:

Cố Trần Nh và bà Ngô Thị T có 02 người con trai là cụ Trần T1 (cha bà H) và cụ Trần Mậu B (cha ông D). Vào năm 1940, cụ T1 xây dựng nhà cấp 4 để ở (trên diện tích nhà từ đường hiện nay bà H xây dựng), cụ B cũng xây nhà ở khác trên cùng thửa đất của của cố Nh, cố T. Năm 1949, sau khi cụ T1 mất, mẹ bà H cùng các con tiếp tục quản lý sử dụng. Năm 1960 gia đình bà H chuyển đến Sài Gòn sinh sống và sau năm 1975 anh em bà H xuất cảnh và định cư tại Canada, diện tích đất này ông D quản lý, sử dụng. Năm 1986 ông Trần Mậu D kê khai quyền sử dụng đất theo Quyết định số 201/CP của Hội đồng Chính phủ.

Năm 2000, bà H về lại Việt Nam tiến hành xây dựng nhà thờ trên thửa đất do bố mẹ bà H để lại. Ngày 23/9/2000 và ngày 08/4/2001, đại gia đình bà H, ông D nhóm họp do ông Trần Mậu I (chú bà H, ông D) chủ trì đã xác định bà H xây dựng nhà thờ cha mẹ trên phần diện tích đất do cha mẹ bà H để lại và tạm giao cho bà Nguyễn Thị Th (chị dâu bà H) lo việc hương khói và tạm giao cho bà Nguyễn Thị B1 ở quản lý trông coi nhà cửa và yêu cầu vợ chồng em P (vợ chồng Trần Mậu D) chuyển phần đất trên cho Trần Thị B1, được ông D thống nhất ký tên.

Thực hiện thỏa thuận trên, ngày 10/4/2001 ông Trần Mậu D có giấy xin chuyển nhượng đất thổ cư gửi UBND xã, Ban địa chính xã H3 xin làm thủ tục chuyển nhượng mảnh vườn khoảng 500m² cho Trần Thị B1; Đồng thời tại giấy xin chuyển nhượng đất thổ cư ngày 21/3/2001 của ông Trần Mậu D gửi UBND xã H3 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp (kèm theo Công Văn số 250/CNVP-ĐK ngày 07/3/2019), trong đó có nội dung: Do hoàn cảnh đặc biệt của gia đình, diện tích đất vườn tôi đăng ký sử dụng trước đây là nhà bác tôi, do hai bác mất sớm, các anh chị sống ở xa. Nay đất nước đã hòa bình...tôi đồng ý chuyển nhượng diện tích tôi đăng ký sử dụng 600m², cắt cho chị tôi là Trần Thị H toàn quyền sử dụng.

Tuy nhiên việc thỏa thuận trên chưa được thực hiện xong thì năm 2016, ông D tiến hành các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện H1 cấp GCNQSDĐ toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông D vào ngày 28/8/2007. Như vậy việc ông D xin cấp không cho bà H và các anh em bà

H biết là không thực hiện đúng nội dung các văn bản hợp gia đình vào các ngày 23/9/2000 và ngày 8/4/2001, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H và anh em bà H. Mặt khác khi UBND huyện H1 cấp GCNQSDĐ cho ông D cũng không kiểm tra, xác minh việc sử dụng đất, vì trên diện tích đất cấp cho ông D, bà H đã xây dựng nhà thờ từ năm 2000 và giao cho bà Nguyễn Thị Th (chị dâu bà H) lo việc hương khói và bà Nguyễn Thị B1 ở quản lý trông coi nhà cửa, là không đúng trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ, ảnh hưởng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H và anh em bà H.

Như vậy từ viện dẫn và phân tích ở mục [1.1], [1.2] nêu trên, nhận thấy Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Mậu D và bà Lê Thị C; giữ nguyên bản án số 28/2019/HC-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Trần Mậu D và bà Lê Thị C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của ông Trần Mậu D và bà Lê Thị C; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 38; Điều 48; Điều 50 của Luật đất đai 2003. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 905151 ngày 28/8/2007 của UBND huyện H1 (nay là thị xã H1) cấp cho ông Trần Mậu D và bà Lê Thị C, thửa đất số 331, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.197m² tại tổ dân phố G, phường H3, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. ông Trần Mậu D và bà Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc

thẩm; đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 005600 ngày 16/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2019/HC-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tào